TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2024
V/v *" Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía*;*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Sậm;
2. Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm 1974 (vắng mặt lần 2).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 31/12/2007 (vắng mặt lần 2).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của ông và bà Nguyễn Thị K đến với nhau là do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu 03 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới, ông và bà Kim c sống cùng gia đình vợ; hôn nhân hạnh phúc được

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông và vợ, cùng gia đình vợ có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên ngày 12/01/2022 ông bỏ đi về quê tại Đồng Tháp sinh sống và ly thân với bà K cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay ông không còn tình cảm với bà K nên ông xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà K có 01 con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 31/12/2008 hiện sống với bà K. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao cho bà Kim n, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000 đồng/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K và cháu Nguyễn Thanh B mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn với bà K. Về con, giao cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 31/12/2008 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà K có đăng ký thường trú tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền, lợi ích được bảo vệ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình nên vợ, chồng cãi vả hôn nhân không hạnh phúc; Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng; điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 25/6/2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà K.

[3] Về con: Nguyên đơn, bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 31/12/2008. Từ khi ly thân đến nay cháu B sống với bà K nên khi ly hôn, nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000 đồng/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 31/12/2008 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000đ (*Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*)/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không xem xét giải quyết.

(*Nếu sau này phát sinh tranh chấp bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác*).

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006969 ngày 02/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Ông T phải nộp thêm án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía